

DOI: 10.58490/ctjump.2026i95.4465

**ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ  
VIÊM MŨI XOANG MẠN TÍNH CÓ POLYP MŨI BẰNG LIỆU PHÁP  
METHYLPREDNISOLONE TOÀN THÂN KẾT HỢP  
XỊT MOMETASONE FUROATE TẠI CHỖ  
TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2024-2026**

*Nguyễn Thị Xuân Quỳnh<sup>1\*</sup>, Võ Thị Ngọc Hân<sup>2</sup>*

*1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*2. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ*

*\*Email: quynhnguyen.311099@gmail.com*

*Ngày nhận bài: 29/01/2026*

*Ngày phản biện: 20/02/2026*

*Ngày duyệt đăng: 25/02/2026*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Viêm mũi xoang mạn tính là một trong những bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp. Polyp mũi là hậu quả của quá trình phù nề kéo dài do nhiều nguyên nhân, nhưng thường gặp nhất là do viêm mũi xoang mạn tính, gọi là viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi bằng liệu pháp Methylprednisolone toàn thân kết hợp xịt Mometasone furoate tại chỗ tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024-2026. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả hàng loạt ca gồm 30 trường hợp được chẩn đoán viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024-2026. **Kết quả:** Viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi thường gặp ở độ tuổi 31-45 tuổi (46,7%). Về đặc điểm lâm sàng, triệu chứng chảy mũi và nghẹt mũi thường gặp nhất ở nhóm bệnh lý này, với tỷ lệ lần lượt là 93,3% và 80%. Về đặc điểm cận lâm sàng, hầu hết bệnh nhân có polyp khe giữa độ I (60%). Về điều trị, trung bình số ngày điều trị là 21,63±9,368 ngày. Có 86,7% bệnh nhân đáp ứng sau điều trị bằng steroids 4 tuần. **Kết luận:** Phần lớn bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi ở độ tuổi từ 31 đến 45 tuổi, hai triệu chứng lâm sàng thường gặp là nghẹt mũi và chảy mũi. Đa số bệnh nhân có polyp mũi khe giữa độ I, trung bình số ngày điều trị là 21,63±9,368 ngày và có 86,7% bệnh nhân đáp ứng điều trị với steroids.

**Từ khóa:** Viêm mũi xoang mạn tính, viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi, VMXMTPM, Methylprednisolone và Mometasone furoate, xịt mũi.

**ABSTRACT**

**CLINICAL, PARACLINICAL CHARACTERISTICS AND  
TREATMENT OUTCOMES OF CHRONIC RHINOSINUSITIS WITH  
NASAL POLYPS TREATED WITH SYSTEMIC METHYLPREDNISOLONE  
AND TOPICAL INTRANASAL MOMETASONE FUROATE AT CAN THO  
UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY HOSPITAL  
DURING THE PERIOD 2024 - 2026**

*Nguyen Thi Xuan Quynh<sup>1\*</sup>, Vo Thi Ngoc Han<sup>2</sup>*

*1. Can Tho University of Medicine and Pharmacy*

*2. Can Tho Central General Hospital*

**Background:** Chronic rhinosinusitis is one of the most common diseases in ENT. Nasal polyps are the consequence of prolonged mucosal edema caused by various factors, most commonly chronic rhinosinusitis, a condition referred to as chronic rhinosinusitis with nasal polyps (CRSwNP). **Objectives:** To describe the clinical, paraclinical characteristics and evaluate treatment outcomes of CRSwNP treated with systemic Methylprednisolone combined with topical intranasal Mometasone furoate at Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital during the period 2024-2026. **Materials and methods:** A descriptive case series study including 30 patients diagnosed with chronic rhinosinusitis with nasal polyps at Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital from 2024 to 2026. **Results:** Chronic rhinosinusitis with nasal polyps was most commonly observed in the 31-45 year age group (46.7%). Regarding clinical characteristics, the most common clinical symptoms in this disease group were rhinorrhea and nasal obstruction, with prevalence rates of 93.3% and 80%, respectively. Concerning paraclinical features, most patients presented with grade I middle meatal polyps (60%). Regarding treatment, the mean duration of treatment was  $21.63 \pm 9.368$  days. Overall, 86.7% of patients responded to steroids therapy after 4 weeks of treatment. **Conclusion:** The majority of patients with chronic rhinosinusitis with nasal polyps were aged between 31 and 45 years. The two most common clinical symptoms were nasal obstruction and rhinorrhea. Most patients had grade I middle meatal nasal polyps, the mean duration of treatment was  $21.63 \pm 9.368$  days and 86.7% of patients showed a favorable response to steroid treatment.

**Keywords:** Chronic rhinosinusitis, chronic rhinosinusitis with nasal polyps, CRSwNP, Methylprednisolone and Mometasone furoate, nasal sprays.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm mũi xoang mạn tính là một trong những bệnh thường gặp trong các bệnh lý về Tai Mũi Họng, ảnh hưởng đáng kể đến đời sống của người bệnh. Polyp mũi được xem là khối u lành tính nhưng về mặt bệnh học thì không phải là một khối u thật sự, mà là hậu quả của quá trình phù nề kéo dài do nhiều nguyên nhân gây ra, thường gặp nhất do hậu quả của quá trình viêm xoang mạn được gọi là viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi [1].

Quá trình đô thị hóa, tình trạng ô nhiễm môi trường, thói quen hút thuốc lá và các bệnh lý liên quan đến viêm mũi xoang mạn tính có polyp ngày càng gia tăng, khiến bệnh lý này trở nên khó điều trị và dễ tái phát hơn, từ đó làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, góp phần tạo thành gánh nặng cho sự phát triển về kinh tế và xã hội. Hiện nay, có nhiều nghiên cứu về viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi ở nước ta. Tuy nhiên, những nghiên cứu về điều trị bệnh lý này bằng phương pháp nội khoa còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu được thực hiện với 2 mục tiêu: 1) Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng trên bệnh nhân có viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024-2026; 2) Đánh giá kết quả điều trị viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi bằng liệu pháp Methylprednisolone toàn thân kết hợp xịt Mometasone furoate tại chỗ tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024-2026.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả bệnh nhân được chẩn đoán viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi (VMXMTPM) được điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 05/2024 đến tháng 01/2026.

**- Tiêu chuẩn chọn mẫu:**

+ Bệnh nhân từ 16 tuổi trở lên

+ Bệnh nhân được chẩn đoán VMXMTPM theo tiêu chuẩn của EPOS 2020

+ Bệnh nhân có chỉ định sử dụng Methylprednisolone toàn thân và Mometasone furoate xịt tại chỗ

+ Bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu

**- Tiêu chuẩn loại trừ:**

+ Bệnh nhân mắc bệnh xơ nang, khối u vùng mũi xoang (lành tính/ ác tính) khác

+ Bệnh nhân chống chỉ định với Methylprednisolone và/ hoặc Mometasone furoate

+ Bệnh nhân có bệnh lý ở thận, tuyến thượng thận (cần điều chỉnh liều corticoid)

+ Bệnh nhân không tuân thủ điều trị

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**- Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả hàng loạt ca.

**- Cỡ mẫu và chọn mẫu:** Chọn ngẫu nhiên tất cả bệnh nhân thỏa mãn tiêu chuẩn chọn mẫu và tiêu chuẩn loại trừ. Chọn liên tiếp các trường hợp thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu và tiêu chuẩn loại trừ trong thời gian nghiên cứu thu được 30 bệnh nhân.

**- Nội dung nghiên cứu:**

+ Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024-2026

+ Nghiên cứu kết quả điều trị viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi bằng liệu pháp Methylprednisolone toàn thân kết hợp xịt Mometasone furoate tại chỗ tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024-2026.

**- Phương pháp thu thập số liệu:** Mẫu phiếu thu thập soạn sẵn thu nhận các biến về:

+ Đặc điểm chung: tuổi, giới, nghề nghiệp

+ Đặc điểm lâm sàng: triệu chứng lâm sàng gồm: nghẹt mũi, chảy mũi, rối loạn khứu giác, đau căng nặng mặt.

+ Đặc điểm cận lâm sàng: hình ảnh nội soi mũi xoang gồm: niêm mạc hốc mũi, cuốn mũi giữa, mòm móm, bóng sàng

+ Kết quả điều trị: số ngày nằm viện, đánh giá triệu chứng lâm sàng, đánh giá sự cải thiện phân độ polyp mũi

**- Quy trình tiến hành nghiên cứu:**

Bước 1: Khám bệnh nhân, lập bệnh án nghiên cứu

Bước 2: Nội soi mũi đánh giá tình trạng viêm các cấu trúc giải phẫu hốc mũi, phân độ polyp mũi

Bước 3: Cấp toa về/ nhập viện điều trị

+ Nếu cấp toa về thì dặn dò bệnh nhân tái khám mỗi 2 tuần.

+ Nếu nhập viện điều trị, điều trị bằng steroids 1 tuần, sau đó cho bệnh nhân xuất viện và uống thuốc theo toa. Dặn dò bệnh nhân tái khám mỗi tuần đến tuần thứ 3 sau khi xuất viện.

Bước 4: Đánh giá đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị sau 1 liệu trình.

**- Định nghĩa biến:**

Viêm mũi xoang mạn tính là tình trạng viêm niêm mạc của mũi và các xoang cạnh mũi đặc trưng bởi hai hay nhiều triệu chứng  $\geq 12$  tuần, một trong số đó phải là nghẹt mũi/ tắc mũi/ sung huyết hoặc là chảy mũi (trước/ sau); hoặc đau căng nặng mặt; hoặc giảm khứu hay mất khứu. Và có thể có một trong các dấu hiệu cận lâm sàng:

+ Dấu hiệu nội soi: Polyp mũi và/ hoặc chảy nhầy mũi tiên phát từ khe giữa, và/ hoặc phù nề/ tắc nghẽn tiên phát ở khe giữa

+ Những thay đổi trên cắt lớp vi tính: thay đổi niêm mạc vùng phức hợp lỗ thông xoang và/ hoặc trong các xoang [2].

Polyp mũi: cấu trúc trong, nhạt màu nằm trong hốc mũi, mật độ mềm, không dễ chảy máu, di động khi dùng ống soi hoặc dụng cụ chạm vào [1].

Nghẹt mũi: tình trạng dòng khí lưu thông vào và ra mũi bị hạn chế [3]

Chảy mũi: tình trạng niêm mạc mũi xuất tiết dịch quá mức

Rối loạn khứu giác: sự mất hoặc giảm khả năng nhận biết mùi hoặc nhận biết mùi một cách sai lệch [1].

Đau căng vùng mặt: cảm giác đau mơ hồ, tăng khi cử động vùng đầu cổ do ứ đọng dịch tiết trong các xoang [1].

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Số liệu thu thập được phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0 và Excel 2016.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được phê duyệt bởi Hội đồng đạo đức Y sinh Trường Đại học Y Dược Cần Thơ số 24.046.HV/PCT-HĐĐĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Từ tháng 05/2024 đến tháng 01/2026 tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, chúng tôi ghi nhận kết quả từ 30 bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi như sau:

#### 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=30)

Đặc điểm		Tần số (Tỷ lệ %)
Giới	Nam	20 (66,7%)
	Nữ	10 (33,3%)
	Tỷ lệ nam/nữ=2/1	
Tuổi	16-30 tuổi	3 (10%)
	31-45 tuổi	14 (46,7%)
	46-60 tuổi	9 (30%)
	>60 tuổi	4 (13,3%)
Nghề nghiệp	Học sinh – sinh viên	2 (6,7%)
	Cán bộ công chức	7 (23,3%)
	Công nhân – nông dân	9 (30%)
	Kinh doanh	4 (13,3%)
	Khác	8 (26,7%)

Nhận xét: Tỷ lệ bệnh nhân nam mắc VMXMTPM gấp hai lần bệnh nhân nữ. VMXMTPM xảy ra nhiều nhất ở nhóm 31-45 tuổi (46,7%), nhóm tuổi 16-30 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất (10%). Bệnh nhân mắc VMXMTPM phân bố rải rác các ngành nghề với bệnh nhân là công nhân – nông dân chiếm tỷ lệ cao nhất (30%) và thấp nhất là học sinh – sinh viên (6,7%).

#### 3.2. Đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi

Bảng 2. Đặc điểm triệu chứng ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi (n=30)

Triệu chứng lâm sàng		Tần số (Tỷ lệ %)
Nghẹt mũi	Không nghẹt mũi	6 (20%)
	Nghẹt mũi 1 bên	8 (26,7%)
	Nghẹt mũi 2 bên	16 (53,3%)
Chảy mũi	Không chảy mũi	2 (6,7%)
	Chảy mũi trước 1 bên	1 (3,3%)
	Chảy mũi trước 2 bên	4 (13,3%)
	Chảy mũi sau	14 (46,7%)

**TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 95/2026**

Triệu chứng lâm sàng		Tần số (Tỷ lệ %)
	Chảy mũi trước và sau	9 (30%)
Rối loạn khứu giác	Không rối loạn khứu giác	20 (66,7%)
	Giảm khứu	9 (30%)
	Mất khứu	1 (3,3%)
	Không đau	18 (60%)
Đau căng nặng mặt	Đau vùng trán	2 (6,7%)
	Đau góc mũi mắt	7 (23,3%)
	Đau vùng má	3 (10%)

Nhận xét: Trong đánh giá triệu chứng nghẹt mũi ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi, dấu hiệu nghẹt mũi hai bên chiếm tỷ lệ cao nhất (62%). Trong đánh giá triệu chứng chảy mũi, bệnh nhân chảy mũi sau chiếm tỷ lệ cao nhất (46,7%). Trong đánh giá triệu chứng rối loạn khứu giác và đau căng nặng mặt, đa số bệnh nhân không có tình trạng rối loạn khứu giác và đau căng nặng mặt với tỷ lệ lần lượt là 66,7% và 60%.

**3.3. Đặc điểm cận lâm sàng ở 30 bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi**

Bảng 3. Đặc điểm hình ảnh nội soi mũi xoang (n=60)

Đặc điểm niêm mạc mũi và độ polyp mũi		Tần số (Tỷ lệ %)
Niêm mạc hốc mũi 2 bên	Phù nề	8 (26,7%)
	Niêm nhợt	18 (60%)
	Sung huyết	4 (13,3%)
Niêm mạc cuốn mũi giữa 2 bên	Phù nề	14 (46,7%)
	Thoái hóa	6 (20%)
	Niêm nhợt	10 (33,3%)
Niêm mạc mòm móc 2 bên	Phù nề	25 (83,3%)
	Thoái hóa	2 (6,7%)
	Đã phẫu thuật	1 (3,3%)
	Không quan sát rõ	2 (6,7%)
Niêm mạc bóng sáng 2 bên	Phù nề	12 (40%)
	Thoái hóa	7 (23,3%)
	Đã phẫu thuật	1 (3,3%)
	Không quan sát rõ	10 (33,3%)
Polyp mũi 2 bên	Độ I	27 (60%)
	Độ II	12 (20%)
	Độ III	2 (3,3%)
	Độ IV	2 (3,3%)
	Khe trên	17 (28,3%)

Nhận xét: Ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi, niêm mạc hốc mũi thường nhợt nhạt (60%), niêm mạc cuốn mũi giữa, mòm móc và bóng sáng phù nề chiếm tỷ lệ cao nhất với tỷ lệ lần lượt là 46,7%; 83,3% và 40%. Polyp mũi khe giữa độ I chiếm tỷ lệ cao nhất với 60%.

**3.4. Kết quả điều trị viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi (n=30)**

Bảng 4. Số ngày điều trị (n=30)

Tổng ngày điều trị	Tần số (Tỷ lệ %)
≤14 ngày	14 (46,7%)
15-27 ngày	5 (16,7%)
≥28 ngày	11 (36,7%)

Tổng ngày điều trị	Tần số (Tỷ lệ %)
Trung bình: 21,63 ± 9,368 ngày	
Cao nhất: 49 ngày	
Thấp nhất: 10 ngày	

Nhận xét: Phần lớn bệnh nhân điều trị viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi cần điều trị ít nhất 10 ngày, cao nhất 49 ngày và trung bình là 21,63 ± 9,368 ngày.

Bảng 5. Đánh giá sự cải thiện về phân độ polyp mũi ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi (n=30)

Mức độ cải thiện polyp mũi	Tần số (Tỷ lệ %)
Không còn polyp mũi	17 (56,7%)
Có giảm kích thước sau điều trị	9 (30%)
Không thay đổi kích thước sau điều trị	4 (13,3%)

Nhận xét: Sau một đợt điều trị nội khoa, bệnh nhân mắc viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi đáp ứng điều trị chiếm trên 80% và chỉ có 13,3% bệnh nhân không đáp ứng điều trị.

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu

Về giới tính, trong tổng số 30 bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi có 20 bệnh nhân là nam (66,7%) và 10 nữ (33,3%), tỷ lệ nam/nữ=2/1. Kết quả của chúng tôi tương đồng với kết quả của Trần Viết Luân và cộng sự (2023) với tỷ lệ nam/nữ=2/1 cho thấy giới nam có khả năng dễ mắc bệnh hơn giới nữ vì giới nam thường có thói quen hút thuốc lá, nghề nghiệp thường tiếp xúc với hóa chất độc hại,... [4]

Về yếu tố tuổi, độ tuổi từ 31-60 tuổi mắc viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi nhiều nhất trong nghiên cứu của chúng tôi với tỷ lệ 76,7%. Kết quả này tương đồng với kết quả của Hoàng Ngọc Phú Hưng (2021) với độ tuổi mắc bệnh nhiều nhất ghi nhận trong độ tuổi 31-60 tuổi (72,3%) [5].

Về nghề nghiệp, nhóm bệnh nhân là công nhân-nông dân trong nghiên cứu của chúng tôi chiếm tỷ lệ cao nhất (30%). Số liệu này cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Quang Hùng và Vũ Thị Quỳnh Anh (2025) với nhóm bệnh nhân là công nhân-nông dân chiếm tỷ lệ cao nhất (28,9%) [6].

### 4.2. Đặc điểm lâm sàng và yếu tố nguy cơ của viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi

Về các triệu chứng lâm sàng, bệnh nhân có triệu chứng nghẹt mũi và chảy mũi chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là 80% và 93,3%. Tỷ lệ này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Đỗ Hoàng Quốc Chinh (2024) với bệnh nhân nghẹt mũi, chảy mũi chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là 89,4% và 100% [7].

### 4.3. Đặc điểm cận lâm sàng của viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi

Về đặc điểm hình ảnh nội soi mũi xoang, trong nghiên cứu của chúng tôi, polyp khe giữa độ I và niêm mạc hốc mũi nhợt nhạt chiếm tỷ lệ cao nhất với 60% phù hợp với đặc điểm yếu tố nguy cơ: bệnh nhân mắc viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi thường có bệnh lý kèm theo là viêm mũi dị ứng. Niêm mạc cuốn giữa, mòm móm, bóng sáng phù nề chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là 46,7%; 83,3%; 40% phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Phi Long và cộng sự (2025) với tình trạng niêm mạc mũi phù nề qua hình ảnh nội soi chiếm 86,3% [8].

#### 4.4. Kết quả điều trị viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi

Về số ngày điều trị: Để đánh giá một bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi có đáp ứng điều trị nội khoa hay không cần tối thiểu 21 ngày (trung bình) sử dụng phối hợp Methylprednisolone đường uống và xịt Mometasone furoate tại chỗ. Trong nghiên cứu của chúng tôi, kết quả cho thấy tổng ngày điều trị trung bình ở những bệnh nhân này là  $21,63 \pm 9,368$  ngày, với ít nhất là 10 ngày điều trị và cao nhất là 49 ngày điều trị [2].

Chúng tôi đánh giá mức độ đáp ứng điều trị của bệnh nhân chủ yếu thông qua triệu chứng lâm sàng và sự giảm độ polyp mũi mỗi 2 tuần, cho thấy:

Đánh giá sự cải thiện về phân độ polyp mũi ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi: Sau một đợt điều trị nội khoa, tỷ lệ bệnh nhân mắc viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi đáp ứng điều trị chiếm 86,7%. Tỷ lệ này tương đương với kết quả của Nguyễn Nam Hà (2018) với tỷ lệ cải thiện chung ở bệnh nhân có polyp mũi trước và sau điều trị steroids toàn thân kết hợp xịt tại chỗ là 73,2% [9].

#### V. KẾT LUẬN

Phần lớn bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi ở độ tuổi từ 31 đến 60 tuổi, hai triệu chứng lâm sàng thường gặp là nghẹt mũi và chảy mũi. Đa số bệnh nhân có polyp mũi khe giữa độ I, thời gian điều trị trung bình là  $21,63 \pm 9,368$  ngày và có 86,7% bệnh nhân đáp ứng điều trị với steroids.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Triều Việt, Dương Hữu Nghị. Giáo trình Tai Mũi Họng. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2021. 118-134. Tập I.
2. Fokkens WJ, Lund VJ, Hopkins C., Hellings PW, Kern R and et al. European Position Paper on Rhinosinusitis and Nasal Polyps. 2020. 37.
3. Valero A, Navarro AM, Cuvillo AD, Alobid I, Benito JR and et al. Position paper on nasal obstruction: evaluation and treatment. *J Investig Allergol Clin Immunol*. 2018, 28(2), 67-90, <https://doi.org/10.18176/jiaci.0232>.
4. Trần Việt Luân, Từ Cẩm Hương, Nguyễn Quốc Dũng, Phạm Hiếu. Khảo sát chỉ số bạch cầu ái toan trong máu và mô polyp ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn có polyp mũi. *Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam*. 2023, 68(59), 68-77, <https://doi.org/10.60137/tmhvn.v68i59.19>.
5. Hoàng Ngọc Phú Hưng, Dương Hữu Nghị. Đánh giá kết quả điều trị viêm mũi xoang mạn tính có polyp mũi bằng phẫu thuật nội soi tại Cần Thơ năm 2019-2021. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2021, 43, 188-195, <https://tapchi.ctump.edu.vn/index.php/ctump/article/view/1124>.
6. Nguyễn Quang Hùng, Vũ Thị Quỳnh Anh. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm mũi xoang mạn tính ở người bệnh tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2025. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2025, 559(2), <https://doi.org/10.51298/vmj.v559i2.17524>.
7. Đỗ Hoàng Quốc Chính, Nguyễn Thị Khánh Vân. Đặc điểm lâm sàng của bệnh viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn tại Bệnh viện Tai mũi họng Trung Ương. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2024, 539(1B), <https://doi.org/10.51298/vmj.v539i1B.9969>.
8. Nguyễn Phi Long, Quán Thành Nam, Đỗ Lan Hương, Đỗ Văn tùng, Nghiêm Đức Thuận và cộng sự. Mối liên quan giữa đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng với chỉ số bạch cầu ái toan tổng mô polyp ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính có polyp. *Tạp chí Y Dược học Quân sự*. 2025, 50(si4), 510-518, <https://doi.org/10.56535/jmpm.v50si4.1486>.
9. Nguyễn Nam Hà. Nghiên cứu các kiểu hình tế bào viêm và biểu hiện của gen FOXP3 và hGRα trong bệnh polyp mũi. Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. 2018. 116.